

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HS-ST
Ngày 08 - 12 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tạo và Bà Trần Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HS ngày 26/11/2020, đối với bị cáo:

Trương Thị Nh, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1968, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Th, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (Đã chết) và bà Trương Thị Ch (Đã chết); chồng: Trương Minh H, sinh năm 1969; con: có 04 đứa (Lớn nhất 29 tuổi, nhỏ nhất 18 tuổi); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/9/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trương Việt H, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn Th, xã Qu, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Anh: Trương Quang B, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn Th, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Anh: Trương Văn S, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn Th, xã Qu, thị xã Ba, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2020, Trương Thị Nh đi chăn bò, khi đi qua ngang nhà anh Trương Việt H ở cùng thôn thì thấy cổng nhà anh H không có khóa, Nh đi vào bên trong thì thấy anh H đang nằm ngủ trên giường ở gian ngoài nhà, tại vị trí đầu giường có 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 8 Pro, màu trắng đang cắm sạc pin. Nh bước nhẹ đến gần rồi lấy chiếc điện thoại đi ra khỏi nhà và lừa bò về nhà của mình. Tối cùng ngày, Nh bắt xe ô tô khách và mang theo chiếc điện thoại di động đã trộm được đi ra nhà con gái của mình là Trương Thị H ở tỉnh Phú Thọ để thăm chơi và ở lại tỉnh Phú Thọ để khám bệnh tại Hà Nội, đến ngày 14 tháng 8 năm 2020 Nh quay trở về nhà. Ngày 15 tháng 8 năm 2020, anh Trương Văn S (Con trai của Nh) cầm chiếc điện thoại đó đi chơi thì bạn của anh H là Trương Quang B trú cùng thôn nhìn thấy nên đã báo cho anh H biết. Sau đó, anh H trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn về việc mất trộm chiếc điện thoại di động. Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Ba Đồn, Trương Thị Nh đã khai nhận toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/HĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu trắng, số IMEI 1: 861915047401457, số IMEI 2: 861945047401465, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị trộm cắp có trị giá 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã tạm giữ và giao trả tài sản cho chủ sở hữu là anh Trương Việt H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Pro, màu trắng. Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại không có khiếu nại hay yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong vụ án này, có anh Trương Văn S (Con trai của Nh) là người cầm chiếc điện thoại Redmi Note 8 Pro của anh Trương Việt H, nhưng không biết tài sản này bị cáo đã trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý.

Người làm chứng là anh Trương Quang S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Anh S đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKSBD ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Trương Thị Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung Bản cáo trạng, đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trương Thị Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trương Thị Nh từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối

với bị cáo; về hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về vật chứng: bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về trách nhiệm dân sự: người bị hại không yêu cầu gì về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Tuyên bị cáo phải chịu tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với toàn bộ nội dung Bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để có điều kiện làm ăn, giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Nh khai nhận, vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2020, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của gia đình anh Trương Việt H, bị cáo đã lén lút lấy chiếc điện thoại Redmi Note 8 Pro, màu trắng của anh Trương Việt H. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng do nhu cầu cá nhân, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, lười lao động và bất chấp pháp luật, nên đã cố ý chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự, trị an xã hội, gây bất bình cho người dân trên địa bàn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình; giữa bị cáo và người bị hại đã tự nguyện giải quyết phần dân sự, bị hại không có yêu cầu gì thêm; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp có giá trị không lớn; được người bị hại có đơn trình bày và tại phiên Tòa đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt và hình phạt bổ sung: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân tại địa phương. Nghĩ chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên Tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp làm nông, thu nhập không ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập và miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tài sản và trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Việt H đã nhận lại đầy đủ tài sản, không có ý kiến, yêu cầu gì; vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Liên quan trong vụ án có anh Trương Văn S là người đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 Rro. Tuy nhiên, anh S không biết hai chiếc điện thoại trên là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn chỉ răn đe, nhắc nhở, giáo dục là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trương Thị Nh phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thị Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Thị Nh 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trương Thị Nh.

Giao bị cáo Trương Thị Nh cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Thị Nh.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Thị Nh phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Sơn, TX.Ba Đồn
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA; THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Phan Anh Đức

